TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐCNHGT-DS	*Tam Điệp, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng TMCP Đ do ông Nguyễn Xuân D là người đại diện theo ủy quyền và ông Trần Văn D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Đ.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: tháp BIDV, số 194 Trần Quang Kh, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Đức T – Chức vụ Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Văn T – Chức vụ Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Xuân D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch K - Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2023).

- Người bị kiện: ông Trần Văn D, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1975, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1981, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn B, sinh năm 1983, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn D, sinh năm 1986, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Trần Văn Ngh, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn Đ, anh Trần Văn Ch, anh Trần Văn C, anh Trần Văn B, anh Trần Văn D, anh Trần Văn Ngh: ông Trần Văn D, sinh năm 1952. Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023).

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 8 năm 2023, cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng TMCP Đ và ông Trần Văn D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 40826/16/8749610/HĐTD ký ngày 26/10/2016 tính đến hết ngày 21/8/2023 là 18.148.752.992 đồng (mười tám tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm chín hai đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc là: 15.743.000.000 đồng (mười lăm tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu đồng);

+ Nợ lãi là: 2.405.752.992 đồng (hai tỷ bốn trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) trong đó lãi trong hạn là: 2.348.495.604 đồng (hai tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm linh bốn đồng), lãi quá hạn là: 57.257.388 đồng (năm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng).

- Về phương thức trả nợ: Ngân hàng TMCP Đ và ông Trần Văn D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất về phương thức trả nợ, cụ thể như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2023 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/10/2023 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/11/2023 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2023 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2024 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2024 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2024 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2024 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2025 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2025 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2025 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2025 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2026 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2026 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2026 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2026 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2027 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2027 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2027 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2027 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2028 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2028 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2028 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2028 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2029 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2029 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2029 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2029 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2030 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2030 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2030 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2030 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2031 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2031 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2031 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2031 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/3/2032 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/6/2032 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/9/2032 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 26/12/2032 ông Trần Văn D phải trả số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và nợ lãi là 2.405.752.992 đồng (hai tỷ bốn trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) trong đó lãi trong hạn là: 2.348.495.604 đồng (hai tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm linh bốn đồng), lãi quá hạn là: 57.257.388 đồng (năm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi ông Trần Văn D thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký;

- Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, lễ tết thì ngày trả nợ sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

- Trường hợp ông Trần Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 40827/16/8749610/HĐBĐ được ký kết ngày 15/11/2016 giữa Ngân hàng với ông Trần Văn D cùng vợ là bà Trần Thị B và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 40827/16/8749610/HĐBĐ ngày 15/11/2016 được ký kết ngày 11/05/2017 giữa Ngân hàng với ông Trần Văn D cùng vợ là bà Trần Thị B để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn D và bà Trần Thị B, tài sản thế chấp là:

+ Tàu cá vỏ thép theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số đăng ký NB – 90008 – TS do chi cục thủy sản cấp ngày 28/03/2017 cho Ông Trần Văn D.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Tam Điệp;
- TAND tỉnh Ninh Bình
- Chi cục THADS TP.Tam Điệp;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu: VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú